

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST

Ngày 27-02-2025

V/v không công nhận vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hồ Lệ Hoa

Ông Lý Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 02 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 309/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024 về việc không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXX-ST ngày 09 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông Võ Văn P, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã B, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Lê Thị D, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp 3, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

-Người làm chứng: Bà Lê Thị H (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã B, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 04/11/2024 cũng như tại phiên tòa ông Võ Văn P trình bày:*

Ông P và bà D tự nguyện chung sống với nhau và có tổ chức lễ cưới vào năm 2019 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau ngày cưới bà D về sống chung với ông P tại ấp N, xã B, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung nên bà

D bỏ về ấp 3, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau sống đến nay. Vì vậy, ông P yêu cầu không công nhận ông bà là vợ chồng.

Thời gian chung sống ông bà không có con chung, nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra ông P cho rằng khi tổ chức lễ cưới ông P có cho bà D 03 chỉ vàng 18k và đôi bông 09 phân vàng 18k. Sau khi bà D bỏ nhà về ấp 3, xã T sinh sống thì ông P có mua gạo cám góp chung với bà D nuôi được 04 con heo và bán được số tiền 24.000.000 đồng. Khi bà D cất nhà ở tại ấp 3, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau thì ông P có đưa cho bà D số tiền 12.000.000 đồng. Do bà D không tiếp tục sống chung với ông P nên ông P yêu cầu bà D hoàn lại cho ông P ½ giá trị tài sản nêu trên với số tiền 20.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Võ Văn P khởi kiện yêu cầu không công nhận ông Võ Văn P và bà Lê Thị D là vợ chồng. Do ông bà chung sống không có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc không công nhận vợ chồng; Bà D có địa chỉ cư trú ở ấp 3, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà D, bà H nhưng bà D, bà H không có văn bản ý kiến và vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà D, bà H theo quy định tại Điều 228 và 229 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Ông P và bà D tự nguyện chung sống với nhau và có tổ chức lễ cưới vào năm 2019 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông bà chưa tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống ông bà có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật

thừa nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình không công nhận ông Võ Văn P và bà Lê Thị D là vợ chồng.

[4] Về con chung, nợ chung: Thời gian chung sống ông P cho rằng ông và bà D không có con chung, nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xét.

[5] Tại đơn khởi kiện cũng như quá trình giải quyết vụ án ông P yêu cầu bà Diệu hoàn lại cho ông P số tiền 20.000.000 đồng là tài sản chung của ông bà có được trong thời gian chung sống với nhau. Xét thấy, tại khoản 1 điều 14 Luật hôn nhân gia đình thì nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do đó việc yêu cầu chia tài sản của ông P được áp dụng điều 16 Luật hôn nhân gia đình và quy định của Bộ luật dân sự để chia tài sản của ông bà chung sống với nhau như vợ chồng. Tại phiên tòa, ông P thừa nhận khi tổ chức lễ cưới là do ông tự nguyện cho bà D 03 chỉ vàng 18k và đôi bông 09 phân vàng 18k mà không có kèm theo điều kiện sau này bà D không sống chung với ông P thì bà D phải trả lại nên việc ông yêu cầu bà D hoàn trả lại số vàng mà ông đã tặng cho là không có cơ sở. Đối với việc ông P cho rằng thời gian ông bà chung sống có nuôi heo chung và bán được số tiền 24.000.000 đồng; đồng thời ông P có đưa cho bà D số tiền 12.000.000 đồng để bà D cất nhà ở tại ấp 3, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án ông P không yêu cầu xem xét thẩm định căn nhà mà chỉ yêu cầu bà D hoàn lại tổng số tiền 20.000.000 đồng. Đồng thời ông P không cung cấp được chứng cứ chứng minh tổng số tiền 36.000.000 đồng là tiền chung của ông bà và hiện bà D đang quản lý như trình bày của ông P. Vì vậy không có căn cứ để buộc bà D phải hoàn trả lại ông P số tiền 20.000.000 đồng như ông P yêu cầu.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông P phải chịu án phí – Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 14, 53, 16 của luật Hôn

nhân và Gia đình; các điều 457, 458 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận ông Võ Văn P và bà Lê Thị D là vợ chồng.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Võ Văn P về việc yêu cầu bà Lê Thị D hoàn trả cho ông Võ Văn P số tiền 20.000.000 đ (Hai mươi triệu đồng).

Về án phí sơ thẩm: Ông Võ Văn P phải nộp 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình. Ông Võ Văn P phải nộp số tiền 1.000.000 đ (*Một triệu đồng*) án phí dân sự có giá ngạch. Vào ngày 04 tháng 11 năm 2024 ông Võ Văn P có dự nộp 1.117.000 đồng (*Một triệu một trăm mười bảy nghìn đồng*) theo biên lai 0016579 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được đối trừ. Ông Võ Văn P phải nộp tiếp số tiền còn lại là 183.000 đ (*Một trăm tám mươi ba nghìn đồng*).

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hồ Lệ Hoa – Lý Quốc Cường

Nguyễn Kiều Trang